

Quan niệm nghệ thuật về con người trong tiểu thuyết *Hoa Trân của dòng họ* của Nguyễn Thị Diệp Mai

Bùi Ngọc Luyến

Trường Đại học Thủ Dầu Một

Email: ngocluyen010192@gmail.com

Ngày nhận bài: 26/12/2021; Ngày sửa bài: 21/3/2022; Ngày duyệt đăng: 29/03/2022

Tóm tắt

Con người vừa là một thực thể sinh vật - xã hội vừa là tổng hòa của các mối quan hệ xã hội, bao gồm nhiều mối quan hệ khác nhau như quan hệ cá nhân, quan hệ gia đình, ... Con người chỉ tồn tại khi họ được sống trong môi trường xã hội và chịu sự tác động của các quy luật xã hội và tâm lý. Trong tiểu thuyết "*Hoa Trân của dòng họ*", Nguyễn Thị Diệp Mai đã tạo ra một hệ thống nhân vật vô cùng đa dạng và phong phú. Họ được soi chiếu dưới nhiều góc cạnh khác nhau nhưng chủ yếu được khai thác ở phương diện con người xã hội. Những con người đó luôn hướng về gia đình, quê hương đất nước, đồng thời luôn khao khát tình yêu cháy bỏng. Họ mang sức mạnh tiềm tàng, cùng khát vọng sống và vươn đến hạnh phúc. Đây cũng chính là hình ảnh con người Việt Nam nói chung và Nam Bộ nói riêng.

Từ khóa: *Hoa Trân của dòng họ*, Nguyễn Thị Diệp Mai, quan niệm nghệ thuật về con người.

Artistic conception about human in the novel *Hoa Tran cua dong ho* by Nguyen Thi Diep Mai

Abstract

Man is both a biosocial entity and a synthesis of social relationships, including many different relations such as personal relationships, family relationships, etc. Humans only exist when they live in a social environment and are affected by social and psychological laws. In the novel "*Hoa Tran cua dong ho*", Nguyen Thi Diep Mai created a tremendously diverse and rich character system. They are reflected from many different aspects but are mainly in the social aspect. Those people always look towards their family, their homeland, and have a burning desire for love at the same time. They have potential strength, the same desire to live and reach for happiness. That is also the image of Vietnamese people in general and the Southerners in particular.

Keywords: artistic conception of human, *Hoa Tran cua dong ho* (*Hoa Tran of the family*), Nguyen Thi Diep Mai

Đặt vấn đề

Con người luôn được xem là đối tượng trung tâm của văn học, đồng thời cũng là điểm quy chiếu, là thước đo giá trị của mọi

vấn đề xã hội, mọi sự kiện và biến cố lịch sử. Con người với tất cả những mối quan hệ phức tạp được nhà văn khai thác và thể hiện dưới nhiều góc cạnh khác nhau, qua đó bộc

lộ cái nhìn, quan niệm của tác giả đối với con người, đời sống, cũng như cách chiếm lĩnh thế giới của nhà văn. Năm 1986, Việt Nam bước vào thời kỳ đổi mới, chuyển từ nền kinh tế bao cấp sang nền kinh tế thị trường, mọi khía cạnh, mọi lĩnh vực đều có sự chuyển mình “thay da đổi thịt”, trong đó có văn học, từ đó, nhà văn có cơ hội nhìn lại, đồng thời làm mới quan niệm nghệ thuật về con người theo một trường thẩm mỹ mới phù hợp với nhu cầu tiếp nhận văn học, góp phần làm cho văn học thời kỳ đổi mới phát triển mạnh mẽ theo phương châm dân chủ hóa. Con người trong thời kỳ này được nhà văn quan niệm không còn đơn giản, một chiều, mà soi chiếu ở nhiều chiều, nhiều khía cạnh. Người cầm bút bắt đầu khám phá thế giới bí ẩn, khuất lấp, đầy bất trắc bên trong mỗi con người nhằm giúp người đọc có cái nhìn toàn vẹn về con người. Để phản ánh được điều đó, tiểu thuyết được xem là một trong những thể loại tối ưu, bởi sự năng động, cùng khả năng phản ánh hiện thực đời sống ở mọi giới hạn không gian và thời gian, hơn hết thể loại này vừa có thể phản ánh số phận của nhiều cuộc đời, vừa có thể đi sâu vào khám phá đời tư, tâm hồn con người một cách toàn diện. Ở Việt Nam, không ít tác giả đã thành công trong việc xây dựng hình tượng con người thời hậu chiến như Bảo Ninh, Tạ Duy Anh, Chu Lai, ... những cây bút này đã góp phần làm cho tiểu thuyết Việt Nam đương đại ngày càng phát triển. Thuộc lớp nhà văn trẻ của vùng đất Nam Bộ, Nguyễn Thị Diệp Mai đã đi sâu vào khai thác và lấy con người làm cảm hứng chính cho những trang tiểu thuyết của mình. Với lối viết chân thật, mộc mạc và vốn ngôn ngữ phong phú, Nguyễn Thị Diệp Mai đã thể hiện con người trong tiểu thuyết “*Hoa Trân của dòng họ*” vô cùng sống động trong các mối quan hệ với sự nghiệp, tình

yêu và gia đình.

1. Quan niệm về con người trong văn học

Quan niệm nghệ thuật về con người là một phạm trù quan trọng của thi pháp học, là khái niệm cơ bản nhằm thể hiện khả năng khám phá sáng tạo trong việc thể hiện con người qua các khía cạnh khác nhau của nhà văn. Quan niệm nghệ thuật về con người cũng là tiền đề gợi mở cho chúng ta những bí ẩn trong sáng tạo nghệ thuật của mỗi nhà văn nói riêng và mọi thời đại nói chung. Tuy nhiên, khái niệm quan niệm nghệ thuật về con người vẫn có nhiều cách lý giải khác nhau như:

Trần Đình Sử trong *Dẫn luận thi pháp học văn học* cho rằng: “*Đọc bất cứ tác phẩm văn học nào đều thấy có hình ảnh con người, chân dung, hoạt động, trạng thái, tính chất của con người, ... rất đa dạng và thường rất khác nhau, không lặp lại. Sự miêu tả ấy không bao giờ giản đơn chỉ là tái hiện cái vốn có, ngẫu nhiên, tùy tiện. Ngược lại, sự miêu tả ấy bao giờ cũng gắn liền với sự lựa chọn nhằm thể hiện cái nhìn, cách cảm, sự lý giải, giải thích về đối tượng miêu tả. Sự cảm nhận, lý giải, giải thích về con người bằng phương tiện nghệ thuật được gọi là quan niệm nghệ thuật về con người*” (Trần Đình Sử, 2017: 87 - 88).

Phạm Ngọc Hiền trong *Thi pháp học* cũng đưa ra quan điểm của mình về vấn đề này “*quan niệm nghệ thuật về con người là triết lý về con người trong tác phẩm nghệ thuật. Những triết lý này phải được trình bày thông qua các thủ pháp nghệ thuật*” (Phạm Ngọc Hiền, 2016: 257).

Hay Hoàng Trọng Quyền trong *Giáo trình thi pháp học* cũng viết “*Quan niệm nghệ thuật về con người là quan niệm của nhà văn trong thế giới nghệ thuật của mình. Nó thể hiện trong ý niệm về con người, cái nhìn và những điểm nhìn về con người, các*

tiêu chí thẩm mỹ và tư tưởng khi viết về con người; con người trong các mối quan hệ, chi phối, tương tác với chính nó trong những thế giới nghệ thuật của nhà văn” (Hoàng Trọng Quyền, 2015: 52 - 53).

Theo *Từ điển thuật ngữ văn học* thì quan niệm nghệ thuật về con người “là hình thức bên trong của sự chiếm lĩnh đời sống, là hệ quy chiếu ẩn chìm trong hình thức nghệ thuật, nó gắn với các phạm trù phương pháp sáng tác, phong cách nghệ thuật, làm thành thước đo của hình thức văn học và là cơ sở của tư duy nghệ thuật” (Lê Bá Hán và cộng sự, 1992: 275).

Như vậy, có thể thấy các định nghĩa trên tuy khác nhau về cách diễn đạt, song chúng ta có thể hiểu khái quát như sau: quan niệm nghệ thuật về con người chính là cách cảm, cách nhìn, cách khám phá, mổ xẻ, lý giải các khía cạnh con người của nhà văn được truyền tải qua từng tác phẩm, là cơ sở để nhà văn thể hiện quan niệm của mình về cuộc sống. Quan niệm nghệ thuật về con người cho thấy sự sáng tạo của nhà văn và ở từng giai đoạn, từng thời kỳ, từng tác giả sẽ có sự thay đổi trong quan niệm nghệ thuật về con người.

2. Con người trong sự nghiệp đấu tranh dựng nước và giữ nước

2.1. Con người trong sự nghiệp mở cõi

Trong buổi đầu dựng nước và giữ nước, người Việt đã có ý thức mở rộng bờ cõi, lãnh thổ thông qua các cuộc chinh phục và khai phá những vùng đất từ đồng bằng màu mỡ, trù phú đến trung du nhỏ hẹp hay những vùng núi rừng bao la rộng lớn. Hành trình mở cõi của dân tộc ta diễn ra không phải một năm, hai năm mà trải dài hàng nghìn năm lịch sử, chủ yếu gắn liền với công cuộc Nam tiến - mở rộng lãnh thổ về phía Nam Tổ quốc, trong chặng đường đó ông cha ta đã gặp không ít những khó khăn và thử

thách. Và nó đã trở thành chất liệu quen thuộc trong sáng tác của nhiều nhà văn Nam Bộ như Sơn Nam, Đoàn Giỏi, Bình Nguyên Lộc, ... Cũng sử dụng chất liệu đó, nhưng đến với tiểu thuyết *Hoa Trân của dòng họ* của Nguyễn Thị Diệp Mai, người đọc lại có cái nhìn toàn vẹn hơn về những khó khăn, vất vả của người nông dân Nam Bộ trên con đường mở cõi đầy chông gai, từ đó toát lên vẻ đẹp của con người trong chính hoàn cảnh khắc nghiệt, họ đã vươn lên như cây, như rừng.

Con người là tổng hòa của các quan hệ xã hội, nghĩa là con người luôn gắn liền với cuộc sống và nói đến con người là nói đến cuộc sống, xã hội trong một hoàn cảnh lịch sử nhất định. Buổi đầu đến vùng đất U Minh lập nghiệp, con người gặp rất nhiều khó khăn và nguy hiểm, khi phải chống chọi với thiên nhiên khắc nghiệt, hoang vu và dữ dội bởi “*U Minh thuở sơ khai thiên nhiên vô cùng khắc nghiệt. Người đến khai rừng cứ từ đời cha đến đời con, cứ lớp này đến lớp khác đổ mồ hôi và máu để giành lấy cuộc sống ở cái xứ muối kêu như sáo thổi, địa lèngh như bánh canh*” [1]. Từng mảnh đất, mảnh rừng nơi đây đều ẩn chứa những hiểm nguy đang chực chờ để “nuốt chửng” những ai không bền gan, kiên định. Vì vậy, trong công cuộc khai hoang, mở cõi đòi hỏi con người phải dũng cảm, gan góc, hơn hết phải biết đùm bọc, yêu thương, che chở, nương tựa lẫn nhau.

Xuyên suốt tác phẩm, là hành trình xuôi ngược của những người nông dân từ khắp nơi đổ về U Minh mở rừng, khai hoang lập ấp, lập làng, sanh cơ, lập nghiệp. Họ cứ đời đời lớp lớp, từ thế hệ này nối tiếp thế hệ kia góp phần làm cho U Minh từ chốn vắng vẻ, hoang sơ trở thành vùng Miệt Thứ đông đúc. Từ nhiều nơi, nhiều tộc người khác nhau, họ quy tụ về đây để làm nên xóm

mình “*họ từ Long Xuyên, vùng cù lao Ông Chưởng, vùng Chợ Mới dồn xuống, từ miệt Cần Thơ, từ tít ngoài xứ Nẫu mà vào. Tụ lại với nhau thành làng thành xóm để phòng khi tắt lửa tối đèn, ốm đau bệnh hoạn. Người Việt, người Miên, người Tàu không kể là ở đâu mà đến cứ tụ lại là thành người xóm mình*” [2]. Đến U Minh sinh cơ và lập nghiệp, mỗi một tộc người lại có một tập tục, một nếp sống khác nhau, một thể mạnh riêng nhưng họ luôn biết yêu thương, đùm bọc và giúp đỡ lẫn nhau những khi “tối lửa, tắt đèn”, lúc ốm đau bệnh hoạn biết dựa vào nhau: “*Người Việt thích làm ruộng. Người Miên thích thành tay rìu và làm ruộng ở gò cao. Dân Ba Tàu thích buôn bán, trồng rẫy. Họ sống với nhau, chấp nhận cái khác của nhau từ lời ăn, tiếng nói đến việc cúng quảy ông bà. Nói là xóm chừ thưa thưa mới có vài chục nóc nhà, chỉ những khúc ở đầu vàm, đầu kinh nhà này mới nhìn được sân nhà kia. Không dựa vào nhau khi tối lửa tắt đèn thì có nước quay về chợ mà sống*” [3].

Cuộc sống khai rừng, mở đất không dễ dàng với bất cứ ai, đặc biệt ở xứ U Minh này nếu không kiên trì, cần cù, chịu thương, chịu khó thì khó lòng bám trụ được ở cái nơi khắc nghiệt và tràn đầy khó khăn. Bờ đất đai tốt là thế, nhưng năm nào cũng đói “*đất tốt quá, lúa cao quá đầu người nhưng trở toàn bông lép. Mấy năm sau đất thuộc rồi, lúa oằn bông, chim chuột lại kéo đến “chè chén” không đuổi xuể. Mấy năm đầu, những mùa giáp hạt dân khai rừng không còn đủ gạo để nấu cháo*” [4]; hay những trận bão dữ dội có thể ập đến bất cứ lúc nào khiến người chết và mùa màng mất hết “*Trận bão năm Thìn, gây thiệt hại rất lớn vùng U Minh. Người chết cũng nhiều, rừng tràm bị ngập, bị quắn ngã thành từng khoảng lớn đến cả mấy chục ngàn mẫu tây. Chim thú chết la liệt*” [5]. Nhưng bù lại U

Minh cũng có nhiều “*tru đãi*” đối với con người “*U Minh vô cùng nhiều rau củ dại, cá, rùa, rắn, chim, chuột, ếch nhái... đỡ lúc đói lòng... thiên nhiên khắc nghiệt không bao giờ tận tệt đường sống của người có lòng*” [6], cứ thế con người gắn bó với nơi đây, U Minh ngày càng đông đúc, nhộn nhịp “*lúc đầu họ đến đôi khi chỉ là một cặp vợ chồng mới cưới, hay cặp vợ chồng với đứa con đầu lòng, sau dần con cái ra đời thêm. Chúng lại lấy vợ, lấy chồng tách ra ở riêng. Số người trong làng cứ vậy đông lên*” [7].

Viết về con người trong sự nghiệp mở cõi, Nguyễn Thị Diệp Mai không chỉ nói lên mưu cầu chính đáng của con người về một cuộc sống đủ đầy với cái ăn, cái mặc và hạnh phúc ở một vùng đất mới, mà qua đó tác giả còn ngợi ca vẻ đẹp dung dị, đời thường và phẩm chất của người Việt Nam với lối sống tình nghĩa, chân thành, sự chịu thương, chịu khó; đồng thời ca ngợi truyền thống và ý chí mở cõi của ông cha ta từ thế hệ này sang thế hệ khác. Từ đó, thấu hiểu mỗi tác đất các bậc tiền nhân để lại đều thấm đẫm mồ hôi, nước mắt và xương máu để hôm nay non sông Việt Nam nối dài từ Bắc tới Nam, từ Lũng Cú (Hà Giang) đến Mũi Cà Mau, nên chúng ta cần ra sức gìn giữ, bảo vệ và phát triển đất nước. Quá trình mở cõi chính là quá trình hội nhập của các cộng đồng tộc người trên mọi miền đất nước với mục đích chung sống hòa bình, tăng cường sức mạnh chống lại kẻ thù và dựng xây đất nước.

2.2. Con người trong sự nghiệp chiến đấu bảo vệ quê hương, đất nước

Tiếp tục khuynh hướng ca ngợi những con người giàu truyền thống đấu tranh cách mạng và mang đậm phẩm chất, tâm hồn yêu nước của người Việt Nam, trong tiểu thuyết *Hoa Trân của dòng họ*, Nguyễn Thị Diệp

Mai đã ca ngợi sự dũng cảm, gan dạ, giàu nghị lực, sẵn sàng hy sinh cho sự nghiệp đấu tranh bảo vệ quê hương, đất nước của những người con Nam Bộ.

Từng mảnh đất, thửa ruộng nơi U Minh được bà con khai hoang, đổ biết bao mồ hôi xương máu, ấy vậy mà giặc lại giày xéo, cướp ruộng, cướp đất, đốt nhà, sát hại dân mình. Đứng trước cảnh nước mất nhà tan, những người con của vùng Miệt Thứ đã đứng lên đấu tranh, tự nguyện ra đi, tự nguyện chiến đấu và tự nguyện hy sinh vì độc lập tự do. Có những gia đình, dòng họ tất cả các thành viên đều tích cực tham gia vào hoạt động Cách mạng như dòng họ Nguyễn Trọng tự nguyện đi theo Việt Minh từ ngày đầu kháng chiến, gia đình bà Út Thành: *“Từ khi Việt Minh về Cơi Nhứt, gia đình bà đã trở thành cơ sở nòng cốt... Cả nhà, anh chị em, chú bác, cô dì trong dòng họ của bà đều theo Cách Mạng”* [8] hay gia đình Tám Thông, gia đình Hai Ghi, ...

Yêu quê hương, đất nước, họ sẵn sàng chịu đựng gian khổ, chấp nhận hy sinh, quyết tâm chiến đấu và hoàn thành nhiệm vụ. Mỗi người con vùng Miệt Thứ dù là đàn ông hay đàn bà, dù già hay trẻ đều chảy trong mình dòng máu quả cảm, lòng căm thù giặc sâu sắc và tinh thần sẵn sàng xả thân vì sự nghiệp Cách mạng như Tám Hiệp, Tư Tình, Hai Ghi, chú Bảy Tô, cô Hai Ánh, dì Ba Bông, ... Hai Ghi xuất thân trong một gia đình có truyền thống Cách mạng *“ba má Hai Ghi năm năm trước đã hy sinh trong một trận phục kích trên đường đi công tác. Hai Ghi một mình nuôi ba đứa em nhỏ trong sự bảo bọc của cô bác láng giềng nhất là gia đình Hai Lý. Thành em kể Hai Ghi khăng khăng đòi đi bộ đội chủ lực để trả thù cho ba má”* [9] còn cô làm Bí thư Chi đoàn kiêm tiểu đội trưởng du kích xã *“được bà con xóm Cơi Năm thương bởi nước “lì” ...*

“lì” khi đánh giặc, “lì” khi làm ruộng, “lì” trong công tác. Ngày thì quần quật, tối không bao giờ vắng một buổi đứng dạy lớp học bình dân của xóm” [10], không chỉ “lì” khi sống và chiến đấu mà đến ngày hy sinh trong một trận càn của giặc, trên ngực với ba vết đạn xuyên thành lỗ trở ra phía sau, máu nhuộm đỏ áo, chảy đầm mái tóc kẹp gọn sau lưng *“tay cô vẫn nắm chặt súng, mắt vẫn mở lớn”* [11]. Hay Tám Hiệp với cái tính gan lì, một lòng muốn mình chứng gia đình không ngã lòng theo giặc, nên tình nguyện xin vào đội vận tải 1C. Khi giặc dí mũi súng vào lưng, anh vẫn bình tĩnh, dũng cảm và gan dạ trừng mắt nhìn thẳng kẻ thù, vẫn hạ được thằng Mỹ cùng chiếc cán gáo.

Là một Tư Tình - một người phụ nữ trung hậu, đảm đang và dũng cảm, để làm nhiệm vụ *“chị gọi con Bé Hai lên năm, thằng Bé Ba mới lên ba tuổi cho mẹ, quyết lòng công tác thật tốt. Những chuyến giao liên dẫn khách, chuyển tài liệu nguy hiểm nhất Tư Tình đều xung phong và hoàn thành xuất sắc”* [12], ngay cả khi bị giặc phát hiện trong lần giao liên cuối cùng của cuộc đời, Tư Tình vẫn không hề nao núng, lo sợ cho an nguy của mình, mà chỉ lo tài liệu cơ mật bị lộ *“Ý thức cuối cùng đã khiến Tư Tình dùng tất cả sức lực còn lại giật cái nút khăn buộc cái thùng tài liệu. Theo đà ngã sấp về phía trước của chị, cái thùng lăn mấy vòng rơi tòm xuống nước. Tư Tình oằn người trút hơi thở cuối cùng. Chị úp mặt xuống đất như úp mặt vào lòng mẹ để ngủ. Máu từ ngực chị chảy hòa với dòng nước đang dập dềnh tuôn xuống đồng”* [13].

Cảnh giặc đốt sạch xóm làng của hàng chục xã ven rừng U Minh, cảnh ruộng bỏ của bọn lính Tây *“Suốt gần nửa tháng ròng rã chỉ có bom, pháo, lính càn, người chết, kẻ bị thương, nhà cháy, vườn ruộng bỏ hoang”* [14], cảnh Chính quyền Sài Gòn

không tiếc bom đạn và quân lính để ngăn chặn và tiêu diệt quân ta. Càng khơi dậy lòng yêu nước, lòng quyết tâm trả thù đánh đuổi giặc ngoại xâm, lòng dũng cảm, sự gan góc, kiên cường, sẵn sàng hi sinh của những chàng trai cô gái vùng U Minh đó: *“Càng bị đánh phá bao nhiêu đường IC càng ngoan cường bền bỉ bấy nhiêu. Sự ngoan cường đó được đổi bằng máu xương của những phân đội vận tải... Máu của những chàng trai, cô gái vận tải pha sắc nước U Minh đỏ đậm thêm. Họ sống theo chuyển hàng. Khi cần, họ hy sinh cùng với xuống hàng, hy sinh để cứu đồng đội không hề đắn đo”* [15].

Dẫu cái chết rình rập từng phút, từng giây, họ có thể “ngã xuống” bất cứ lúc nào, dẫu phải chiến đấu trong hoàn cảnh khó khăn, vất vả, thiếu thốn trăm bề khi *“Nửa người ngâm dưới nước đẩy xuống qua dòng nước, quần áo hiêm khi nào được khô ráo. Ngủ ngày, đi đêm. Ngày nối ngày họ đối mặt với máy bay, xe lội nước, bom, pháo, thủy quân lục chiến. Cái chết và cái sống đan bện nhau từng ngày. Có khi cả tuần cả phân đội ăn rau cá, thịt chuột luộc trừ bữa vì không còn hạt gạo. Đói, lạnh, sốt rét, ghẻ lác là bạn đồng hành của họ. Phái nam còn đỡ, đối với phái nữ đó là cực hình, nhất là những ngày kinh nguyệt mỗi tháng”* [16], thì họ vẫn bền gan, hết lòng vì lý tưởng Cách mạng, xứng đáng là “Anh Cả Đỏ”.

Hòa mình vào dòng chảy văn học kháng chiến và yêu nước, con người trong truyện *Hoa Trăn của dòng họ* vẫn được nhìn từ góc độ đám đông, tập thể của cảm hứng sử thi, con người vẫn hiện lên trong sáng, vô tư và mang trên mình lý tưởng chiến đấu, tinh thần hy sinh, xả thân vì tổ quốc, là những con người nguyện từ già người thân, quê hương lên đường để dâng hiến tất cả cho sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc. Họ vẫn được nhà văn Diệp

Mai miêu tả khi căm giận thì bầm gan tím ruột, khi đau đớn thì đoạn trường, đứt ruột, khi căm ghét thì qua ánh mắt nhìn thẳng quân thù.

Trong cuộc kháng chiến trường kỳ, Nguyễn Thị Diệp Mai không chỉ khắc họa hình ảnh những người chiến sỹ U Minh dũng cảm, ngoan cường mà còn đậm tô hình ảnh người phụ nữ giỏi việc nước đảm việc nhà, giàu đức hy sinh như bà Út Thành. Không chỉ làm tốt công tác dân vận mà mọi việc trong nhà đều được bà Út quán xuyến, chu toàn từ chuyện nhà cửa đến đồng ruộng, để chồng rảnh tay đi kháng chiến, *“một tay bà vừa đảm đương vừa nuôi con vừa hoạt động Cách Mạng tại địa phương”* [17]; hay Út Thương một người phụ nữ hết lòng vì chồng vì con, luôn là hậu phương vững chắc để Tám Thông yên tâm đi lo việc nước.

Đây là hình ảnh của những con người U Minh đau thương nói riêng và miền Nam nói chung, họ anh dũng, kiên cường muôn người như một, sẵn sàng hy sinh và đoàn kết chiến đấu giải phóng quê hương. Chính họ làm nên lịch sử, trở thành những nhân vật của lịch sử thời đại Cách mạng.

2.3. Con người trong sự nghiệp xây dựng cuộc sống mới thời hậu chiến

Bước ngoặt lịch sử, đại thắng mùa xuân năm 1975, Tổ quốc hoàn toàn độc lập, thống nhất, tạo nên những sự thay đổi lớn về lịch sử, văn hóa, xã hội, trong đó có tâm lý và tình cảm con người. Tất cả những điều đó trở thành tiền đề quan trọng ảnh hưởng tới văn học nghệ thuật nói chung và quan niệm nghệ thuật về con người của các nhà văn nói riêng.

Nguyễn Thị Diệp Mai không chỉ khắc họa thành công hình ảnh những người con của vùng đất U Minh sẵn sàng hy sinh, chiến đấu hết mình bảo vệ quê hương đất nước mà còn miêu tả chân thực về cuộc

sống vốn nhiều chiều, nhiều vẻ, trong tốt có xấu, trong hạnh phúc có khổ đau. Những điều mà trước đây văn học chưa đi vào khai thác, những góc khuất của đời sống chưa được mổ xẻ, soi rọi thì giờ đây nhà văn đã đi vào khám phá và phản ánh, đặc biệt là vấn đề cuộc sống của con người trở về sau chiến tranh. Bởi bên cạnh những chiến công hiển hách, những tượng đài chiến thắng vinh quang là biết bao đau đớn, biết bao nước mắt, cay đắng, tủi cực của con người, họ trở về từ cuộc chiến để bắt đầu với cuộc sống đời thường, phải đối mặt với vấn đề cơm áo, nuôi gia đình, chăm lo con cái; đối mặt với sự xét nét, nguyên tắc gò bó chốn công sở, cơ quan; đối mặt với thực tại đầy mưu mô toan tính khiến con người nhiều khi chới với. Những lý tưởng cao đẹp, những chiến công oanh liệt, những địa vị cao sang cũng không thể thay thế, bù đắp cho những mưu cầu đời thường của họ.

Những năm tháng chiến tranh gian khổ đã qua, họ đã có một thời anh dũng, hào hùng, sẵn sàng xả thân, sẵn sàng nằm xuống nơi “đất mẹ”, ấy vậy khi hòa bình lập lại những người lính ấy lại “vất vả” trong hành trình hòa nhập với cuộc đời, bởi muôn vàn lo toan. Sáu Tông - một cán bộ công chức, từng vào sinh ra tử ở các chiến trường, khó khăn nào chưa từng trải qua, thậm chí là đối mặt với cái chết thể mà “*vẫn không sao theo kịp nhịp sống thành thị. Ở trong chiến khu, thiếu thốn, gian khổ thế nào cũng chịu được. Giờ ra thành thị làm một công chức Nhà nước tham gia vào một xã hội không giống chút nào với môi trường mình quen sống anh thấy hụt hẫng. Trước là đồng chí có thể giành nhau chết, giành nhau gian nguy giờ là đồng nghiệp cùng làm một thứ công việc thật khó ứng xử*” [18].

Cảnh cả gia đình Sáu Tông phải năm, sáu lần chuyển từ khu tập thể này sang khu

tập thể khác và đối diện với muôn vàn khó khăn thiếu thốn. Lúc đầu họ phải sống tại khu tập thể nhỏ xíu “*Đó là dãy nhà tường liền tường, mái tole liền mái, căn nào cũng giống căn nào. Mái la - phong bằng mê bồ cứ xám xì xì một màu*” [19] hay là căn phòng đầu tiên họ chuyển lên Rạch Giá chỉ rộng ven mười hai mét vuông, rồi sáu người lớn nhỏ dồn hết trong cái ô đó.

Ngoài làm công việc cơ quan vợ chồng Sáu Tông phải bươn chải thêm đủ nghề, đủ việc, Hai Lý “*ngày đi dạy học, tối đi dạy bổ túc kiếm thêm chút đỉnh. Hơn chín, mười giờ đêm má mới về tới nhà. Má tắt bật ngay với việc ép chuối chín làm kem, nấu đậu đỗ đá bọc, lấy nước đá ủ lại để sáng bỏ mối. Xong là má quay ra giặt giũ, dọn dẹp nhà cửa*” [20]. Kinh tế khó khăn, khiến gia đình Hai Lý buộc làm trái với quy định của cơ quan, Nhà nước, “lén” mua cái tủ đá cải tiến để làm đá bọc, kem chuối cho có đồng ra đồng vô.

Không chỉ khó khăn về kinh tế, con người giờ đây còn phải đối diện với sự xét nét của những người gọi là “cùng cơ quan” như Ninh - một người từng tham gia Cách mạng năm 70 nhưng vào thời bình người ta lại nhận xét chú “*là người hay xét nét khó chịu nhất cơ quan*” [21]. Chính Ninh lợi dụng lòng tin của Hoa Trân để tìm hiểu về việc gia đình cô mua tủ đá, rồi tố cáo, khiến “*Mấy ngày sau, mấy người nhân viên điện lực bất ngờ ập đến lập biên bản. Họ cắt điện nhà tôi, tịch thu cái tủ đá cải tiến tài sản giá trị nhất của ba má tôi*” [22], còn Sáu Tông thì “*bị cơ quan khiển trách vì lén chạy tủ đá trong khi Nhà nước cấm*”, cả nhà rơi vào cảnh “*Hàng tháng cả sáu miệng ăn đều dựa vào hai suất lương, tem phiếu của ba má. Mấy bữa cuối tháng chưa có lương, má tôi lấy bọc xà bông để dành đem bán lấy tiền đi chợ*” [23]. Một bữa ăn ngon đủ đầy với họ

cũng là khó, đến nỗi Hoa Trân “*Có những sáng đến nhà cô giáo học phụ đạo nghe mùi cá đang kho trong bếp, nhìn đĩa khoai mì luộc trắng ngần để phần cô trên đầu tủ mà nước miếng tôi chảy ra*” [24].

Sau chiến tranh, công cuộc xây dựng cuộc sống mới bắt đầu, ở đó không chỉ có những người trở về sau tháng ngày bom đạn như thế hệ của Sáu Tông, Hai Lý, Tám Thông, ... mà còn lớp người trẻ như Hoa Trân, Anh Sơn, Thành, Minh, Vũ, Quyên, ... cũng ươm mầm cho sự sống mới. Họ là những người với tính cách, cách sống khác nhau như Hoa Trân - một cô gái “con nhà nòi” có truyền thống Cách mạng, tính khí ngay thẳng, bộc trực, năng động, bản lĩnh, có tài năng, song cô cũng mắc phải sai lầm vì “*quá tin Minh, i lại hoạt động nê nếp bấy lâu mà buông lỏng quản lý*” [25]; hay một Bí thư Tỉnh Đoàn nhân hậu, nghĩa tình như Thành, cũng đôi lần phải đấu tranh giữa lý trí và cảm xúc; hay một thanh niên hiền lành, thương yêu gia đình, tôn thờ tình yêu biết làm kinh tế như Sơn cũng có lúc ngoại tình ngay giữa lúc vợ con cần có sự chia sẻ; một người nhẫn nại, chân thành như Minh, nhưng cũng có khi vì lợi ích của mình mà trở nên ích kỷ, lợi dụng chức vụ, lòng tin của Hoa Trân để lấy đi số tiền hai tỷ của nhà nước với ước mong cùng người yêu xây dựng tổ ấm. Bên cạnh đó vẫn có những người so đo, xét nét, toan tính, hãm hại người khác như Bình, họ sẵn sàng vận động, công kích người này, hạ bệ người kia, vạch sẵn kế hoạch để đạt được những điều mà mình mưu tính.

Nguyễn Thị Diệp Mai đã cho chúng ta thấy rõ, nếu trước đây con người được nhìn từ một phía, có sự phân định rạch ròi giữa tốt và xấu, thiện và ác thì giờ đây con người được nhìn nhận nhiều chiều và đa diện. Trong họ vừa tồn tại những phẩm chất tốt

đẹp song vẫn ẩn chứa những góc khuất sâu thẳm, những xấu xa, những ham muốn bình thường, những mưu cầu, những tính toán, những ích kỷ, vụ lợi, ...

Tóm lại, quan niệm nghệ thuật về con người không chỉ gắn liền với cá tính sáng tạo của nhà văn mà nó còn gắn liền với sự vận động của lịch sử xã hội. Nguyễn Thị Diệp Mai đã ứng biến linh hoạt và thay đổi điểm nhìn về con người trong từng giai đoạn, chuyển từ con người yêu nước chỉ biết đến lý tưởng cứu nước, nghĩa vụ và trách nhiệm, con người vĩ đại, nhiệt huyết sang con người được nhìn trong mối quan hệ đời thường, với nỗi đau cá nhân, với đặc trưng là sự thức tỉnh ý thức cá nhân trên tinh thần nhân bản.

3. Con người trong tình yêu

Nếu văn học giai đoạn trước 1986 thường đề cập đến những con người tiêu biểu cho cộng đồng, thường nói đến cái chung mà xóa nhòa cái riêng, kể cả vấn đề riêng tư nhất là tình yêu đôi lứa cũng được đặt trong tình yêu chung - tình yêu Tổ quốc, thì văn học từ năm 1986 đến nay lại tập trung đi sâu phản ánh đời sống nội tâm, số phận của con người cá nhân thông qua các mối quan hệ của họ trong cộng đồng. Vấn đề tình yêu, hạnh phúc của con người được cả người cầm bút và người đọc quan tâm. Nó được thể hiện ở nhiều khía cạnh khác nhau với cái nhìn khác trước. Trong *Hoa Trân của dòng họ*, Nguyễn Thị Diệp Mai đã làm bật hình ảnh con người trong tình yêu với những khao khát mãnh liệt về tình yêu và hạnh phúc lứa đôi, họ hết mình vì tình yêu song cũng có giây phút làm lỡ chứ không tuyệt đối hóa, lý tưởng hóa như tình yêu “ngôn tình”. Tình yêu của họ gắn liền với những mong muốn cuồng nhiệt là ở bên người mình yêu và được hòa vào nhau.

Tình yêu là thứ tình cảm vô cùng đặc

biệt mà mỗi con người đều phải trải qua dù chỉ một lần trong đời. Trong tình yêu có rất nhiều cung bậc cảm xúc như buồn, vui, hạnh phúc, đau khổ, nhớ nhung, tiếc nuối, ... Mỗi cảm xúc được ví như “một gia vị” làm cho tình yêu thêm trọn vẹn. Và dù ở thời kỳ nào, giai đoạn nào thì tình yêu vẫn nảy nở giữa những người vốn thuộc về nhau, dù cách này hay cách khác. Con người trong *Hoa Trân của dòng họ* đã yêu hết mình, lặng lẽ và chân thành như tình yêu trong thời chiến của Sáu Tông và Hai Lý, họ yêu thương, chăm sóc nhau lúc “sinh tử cận kề”. Khi nghe tin Hai Lý bị nhiễm trùng phong đòn gánh rất nguy kịch, anh lo lắng “*đứng ngồi không yên. Nghe phổ biến xong, Sáu Tông xin được nhận tài liệu về nghiên cứu không dự họp. Nhờ ông Út Thành nói là mượn Sáu Tông đem thuốc đến trạm quân y cho Hai Lý nên được nghỉ họp để đi. Sáu Tông chèo liên tục mười hai cây số không nghỉ về đến trạm quân y vừa kịp tối*” [26], là lúc Hai Lý sốt li bì, lên cơn co giật, Sáu Tông ở bên giường không dám đi xa quá mười phút, liên tục lấy khăn trên trán cô nhúng nước vắt thật khô, lau mặt, lau cổ, rồi đắp lại lên trán, là tay kia đỡ đầu, tay kia đút nước.

Hay, tình yêu đầu đời của Hoa Trân và Vũ, họ đã trải qua nhiều “nấc thang” cảm xúc, lúc da diết mãnh liệt, lúc hững hờ, giận hờn, lúc lại nhớ thương, tiếc nuối. Nó cứ quán mãi cho đến ngày Vũ trở về thì lòng cô mới khép lại tình yêu đó. Bằng tất cả tâm tình của một thiếu nữ chớm yêu, Hoa Trân dồn hết tình yêu cho Vũ, với những phút giây ấm áp, yêu đương say đắm của tuổi trẻ “*Tôi mạnh dạn ôm cổ Vũ. Anh vòng tay ra phía sau giữ tôi... Tôi lùa tay vào tóc Vũ vuốt ve. Vũ ngừng lại quay đầu nhìn tôi cười, rồi tiếp tục đi. Tôi thấy mình như lâng lâng bay bổng. Chỉ muốn được Vũ ôm mãi như vậy.*

Muốn đoạn đường này dài mãi, dài mãi. Tôi không tìm được cúi xuống hôn lướt lên cạnh tai của anh. Vũ thoáng rung mình... làn hơi nóng từ người Vũ đang tăng dần lên” [27]. Nhưng mỗi tình đầu của họ tan vỡ như bọt nước. Bởi định kiến về hoàn cảnh gia đình, ba Vũ là “cảnh sát nguy”, còn ba mẹ Hoa Trân là đều là công chức Nhà nước, xuất thân trong một gia đình giàu truyền thống Cách mạng.

Họ là những người bạn từ thời còn ngồi trên ghế nhà trường, gắn bó với nhau để rồi trở thành tình yêu giữa hai người khác phái, nhờ sự chân thành mà họ đến được bên nhau như tình yêu của Anh Sơn dành cho Hoa Trân - một cô gái có đôi mắt nâu óng huyền hoặc “*nhìn ai như muốn nhấn chìm người ta*” cùng má lúm đồng tiền để rồi “*Anh Sơn vẫn trung thành với thứ tình cảm dành cho tôi đến tận ngày tôi nhắm mắt xuôi tay*” [28]. Anh Sơn luôn dành cho Hoa Trân tất cả sự yêu thương, ngay cả khi cô dành tình cảm cho Vũ. Những ngày Vũ bỏ cô, vượt biên ra nước ngoài là những tháng ngày đau khổ tràn trề, là hình ảnh của mỗi tình đầu tan vỡ, là sự khắc khoải nhớ thương người phương xa, nhưng chính Sơn đã luôn bên cạnh, chờ che cho cô “*Tôi nhận lời yêu Anh Sơn là lúc tôi hoang mang nhất, mắt hết tất cả điểm tựa tình cảm gia đình, lòng tin với ba, tuyệt vọng với Vũ và đau thương cho má. Tôi ví Anh Sơn lúc đó như cây tùng, cây bách gì đó để tôi nương tựa tiếp tục bò lên để sống. Anh Sơn rất sẵn lòng như vậy, từ hồi trung học anh đã như vậy*” [29]. Tình yêu khiến Hoa Trân từ một người đã chai lì trong tình yêu trở nên ấm áp, yên lành “*Ở bên nhau, anh cho tôi cảm giác rất yên lành, cảm giác được sẻ chia, được bảo bọc khiến tôi ấm dần lại cõi lòng vắng lạnh... Có Anh Sơn bên cạnh tôi cảm giác mình vẫn còn có nhiều thứ đáng để nghĩ, đáng để lo*” [30].

Lẽ sống của con người là yêu và được yêu cả về thể xác lẫn tinh thần. Con người phải sống đúng với bản thể của mình. Vì thế, khoái cảm, nhục cảm, sự giao hoan giữa đàn ông và đàn bà không có gì là xấu, nếu nó là sự thăng hoa của cảm xúc, tình yêu. Đó chính là biểu hiện một khát vọng chính đáng của hạnh phúc đích thực mang tính nhân bản và văn hóa trong cõi nhân sinh của con người. Tình dục như một ham muốn tự nhiên góp phần tăng thêm sự hòa hợp của tình yêu, bù đắp sự trống vắng của con người vì thế mỗi khi bên nhau, họ thường dành cho nhau những cử chỉ thân mật, nhưng mơ trốn, những khao khát cháy bỏng như Anh Sơn và Hoa Trân *“Anh Sơn âu yếm tôi. Anh Sơn hôn tôi. Anh Sơn không một phút muốn xa rời tôi... Tôi thấy thích được anh yêu. Thấy thích được gần anh”, “Anh đã không kiềm chế được mình khi chạm vào tôi... Đêm đông ngày đó, hai người đã vượt qua ngưỡng của hai thể xác rục rủa yêu đương cách nhau chỉ qua hai lần vải áo”* [31].

Hay tình yêu âm thầm cùng những khao khát, những rung động xác thịt mà đôi lần Thành vấp phải, là một người anh - một thể hệ đi trước đáng kính của Hoa Trân nhưng Thành cũng có lúc rung động bởi cảm giác dục vọng *“Gương mặt thanh tú, thanh thần với sắc da tuyền một màu như sữa pha. Khuôn ngực vun rần nhô cao theo nhịp thở. Hoa Trân thản nhiên kiêu sa với những gì tạo hóa ưu ái ban cho một vẻ nữ. Thành sững sờ ngắm mãi. Cảm giác nóng bừng... Nó lan từ ngực lên mặt. Từ mặt tràn khắp thân thể. Một sức hút ma quái kéo anh khẽ khàng đến bên giường, say mê ngắm Hoa Trân. Say mê ma mị...Thành không cưỡng lại được muốn đặt lên đó một nụ hôn... Thành không dùng được cúi xuống gần hơn nữa. Anh đưa tay vuốt nhẹ làn tóc*

mát lạnh, trơn mượt. Hơi lạnh từ tóc xuyên qua da, xuyên thủng khối tư duy hỗn độn không đầu không cuối đang ngự trị anh” [32].

Mỗi người trong tình yêu đều có cách thể hiện khác nhau, đều chọn cho mình một con đường riêng mà không ai lý giải được, có người chấp nhận lặng lẽ ở bên cạnh, nhìn người mình yêu hạnh phúc như Phương. Phương yêu Anh Sơn từ những ngày đi học, nhưng trái tim anh luôn hướng về Hoa Trân. Cô chấp nhận là người theo sát cuộc đời của anh, cho đến ngày hai người ngoại tình có con với nhau thì Phương biết rõ, Anh Sơn cả đời này chỉ dành tình yêu cho Hoa Trân. Anh chỉ đến bên cô những lúc Hoa Trân mãi miết với công việc, mọi thứ trong nhà đều để mình anh quán xuyến.

Như vậy, khát vọng tình yêu và hạnh phúc của con người là ước mơ chính đáng. Khao khát hướng về cuộc sống, về tình yêu và hạnh phúc là một điều thẩm đượm tinh thần nhân văn. Con người trong tình yêu sau năm 1986 được khai thác và khám phá ở nhiều khía cạnh, không phải lúc nào họ cũng cao thượng, mạnh mẽ, bởi tình yêu, hạnh phúc là vấn đề đầy rẫy những phức tạp và nan giải nên con người khi yêu có lúc cao thượng, cháy hết mình vì tình yêu, song cũng có lúc ích kỷ, toan tính, dối trá, tham lam để rồi dần vật và đau đớn, hơn hết họ xem tình dục là nhu cầu chính đáng, giúp tình yêu đơm hoa kết trái.

4. Con người trong mối quan hệ gia đình

Gia đình là mái ấm, là điểm tựa an toàn và vững chắc để mỗi chúng ta khi gặp khó khăn, thử thách có thể tựa vào, tìm sự an ủi, vỗ về, giúp ta kiên cường bước tiếp về phía trước. Gia đình là nơi tổng hòa của các mối quan hệ, giữa những người thân trong một gia đình, là nơi có mối quan hệ hôn nhân vợ chồng; huyết thống gắn kết với nhau giữa

cha mẹ và con cái, giữa anh chị em với nhau, giữa những người trong cùng một dòng họ. Họ gắn kết với nhau, thắt chặt với nhau bằng trách nhiệm và tình yêu thương.

Gia đình luôn là điều thiêng liêng của mỗi con người. Trong *Hoa Trân của dòng họ*, Diệp Mai không chỉ lý giải, tìm hiểu con người trong mối quan hệ với quê hương, đất nước mà còn khám phá con người trong mối quan hệ gia đình. Chính sự nồng hậu của hai chữ “tình thân” giúp con người mạnh mẽ hơn khi gặp “phong ba bão táp”. Dù trải qua nhiều xô bồ, xáo động thì họ vẫn xích lại gần nhau. Mỗi người một cá tính, song họ luôn yêu thương, che chở và sẵn sàng bỏ qua mọi lỗi lầm cho nhau như các thành viên trong gia đình Út Thành, Tám Thông, Sáu Tông, ... Dù bộn bề khó khăn với nỗi lo từ việc nước đến việc nhà, từ giặc giã đến mưu sinh thì những con người ấy đều gắn bó, bao bọc, che chở, yêu thương nhau.

Tình cảm gia đình trong sự gắn kết thiêng liêng giữa vợ và chồng vừa thủy chung gắn bó, vừa nghĩa tình sâu nặng như vợ chồng Út Thành, họ lấy nhau khi bà Út Thành mới vừa 20 tuổi. Họ cùng trải qua những năm tháng chiến đấu chống giặc ngoại xâm, cùng nhau nhìn những đứa con, đứa cháu chào đời “*ông lớn lên, ông cưới bà, cùng bà có tám đứa con*” [33], cùng sống với nhau đến cái tuổi “thất thập cổ lai hy”, từng miếng ăn, giấc ngủ của ông đều do bà chăm sóc nên “*Bây giờ đến cuộc đời sắp chấm dứt rồi ông vẫn không thể sống thiếu bà được*” [34]; như vợ chồng Tám Thông và Út Thương, họ nên duyên vợ chồng, rồi cùng nhau về vùng Miệt Thứ khai ruộng làm ăn. Út Thương đảm đang, chịu thương chịu khó lo việc trong ngoài cho chồng đi đánh Tây “*Rồi liên tục qua năm sau nữa Tám Thông cứ đi thất thường như vậy. Chuyện đồng áng, nhà cửa, con*

cái trút qua vai của Út Thương. Chị không hề oán thán nửa câu” [35]. Bà cắn răng chịu tất cả khổ cực để chồng đi làm việc nghĩa, vì thương chồng, thương con mà bà từ người con gái “hài hòa dễ coi” trở nên “xấu xí tàn tạ”. Thấu hiểu được sự vất vả của vợ, nên Tám Thông “*Về đến nhà là anh làm việc cật lực để bù lại thời gian vắng nhà*” [36]. Nhưng ông cũng là người làm Út Thương đau đớn khi qua lại, ăn nằm với người đàn bà khác.

Không nhìn con người dưới một chiều kích, một khía cạnh, hay hướng đến những “hình mẫu lý tưởng”, mà nhà văn đã đi sâu vào khám phá, phản ánh một cách trọn vẹn những góc khuất của con người. Bởi con người vốn bằng xương bằng thịt, họ có cả mặt tốt lẫn mặt xấu, cùng những ham muốn, những điều mà đôi khi không cưỡng lại được, dù từng yêu thương hết mình, từng gắn bó song họ vẫn có những phút lỗi lầm và sai trái, những rung động mà đôi khi phản bội lại nghĩa phu thê như vợ chồng Sáu Tông - Hai Lý. Hai người từng trải qua những năm tháng chiến tranh bên nhau, cùng tình yêu mãnh liệt, cùng “đắt tay” nhau trở về cuộc sống hậu chiến tranh. Ấy thế, Sáu Tông lại say mê, rung động cô đào Ngọc Hương - là Ngọc, người con gái mang đến cho ông sự rung động đầu đời. Lúc đầu, Hai Lý cũng hết lòng giúp đỡ mẹ con Ngọc vì bà là bạn thời thơ ấu của chồng, người đã hết lòng cưu mang giúp đỡ chồng mình thời gian nan, nhưng “*Sau dần Hai Lý nhận ra sự bất thường trong tình cảm của hai người... Hai Lý không nhịn được nữa khi chính mắt bà đã chứng kiến hai người thủ tâm tình trong một quán nước vắng vẻ ở vùng ngoại ô. Sáu Tông thú nhận mình không dần được cảm xúc khi nhớ lại tình xưa và khi ở cạnh bà Ngọc*”. Những tưởng Hai Lý “*Bao nhiêu năm nay bà chắt chiu*

vất vả để ông có địa vị, có gia đình đẹp đẽ vậy mà ông nữ vụng trộm với người đàn bà khác” [37] để tình cảm vợ chồng có nguy cơ tan vỡ.

Trong mối quan hệ vợ chồng, ngoài trách nhiệm, nghĩa vụ, họ phải biết yêu thương, biết quan tâm, chia sẻ và lắng nghe, mọi thứ phải xuất phát từ hai phía nếu không sẽ khó cùng nhau đi đến cuối cuộc đời. Anh Sơn là một người chồng tốt, mọi thứ đều chiều chuộng chăm lo cho vợ con, anh quán xuyến hết để vợ yên tâm công tác nhưng cuối cùng anh lại phản bội vợ, tìm đến bên Phương vì anh đã không thể chịu đựng được khi Hoa Trân chỉ mãi mê lao theo mục tiêu của mình, ngoài mục tiêu ấy ra cô coi những chuyện khác đều là chuyện vặt “chuyện vặt ấy Anh Sơn rất sẵn lòng vì cô mà thực hiện. Lâu dần cô đã xem đó như là bổn phận của anh. Cô đã lãng quên trách nhiệm của mình với gia đình. Trách nhiệm của cô đã đổ hết lên người Anh Sơn. Cô chưa từng dừng lại một lúc tìm hiểu xem chồng của mình muốn gì, cần gì” [38]. Nên anh “đã quá mệt mỏi vì những tháng ngày chờ chực chăm nom, lo lắng cho cô. Anh đã không còn can đảm để ngồi đợi cơm cô, chờ điện thoại cô gọi về. Anh không còn chịu đựng được một mình gánh vác hết công việc của đàn ông lẫn đàn bà tháng tháng ngày ngày nữa. Điều anh sợ nhất là cảm giác không bao giờ thật sự hiểu cô, có được cô trong cuộc đời của mình. Cô như một hành tinh độc lập mà anh chỉ như một vệ tinh quay quanh mà không biết quỹ đạo ấy hình thù gì... Anh đã tìm đến Phương. Phương cho anh cảm giác được yêu chiều, được quan tâm” [39].

Gia đình là một món quà, ở đó họ sẵn sàng cho đi tất cả, không ai bỏ rơi ai và yêu thương nhau vô điều kiện. Bên cạnh, sự khăng khít tình nghĩa vợ chồng, thì mỗi

thành viên trong gia đình cũng luôn yêu thương, bảo bọc, che chở cho nhau. Những ngày bám trụ lại rừng, Sáu Tông bị sốt rét hành hạ suốt mấy ngày, Tám Hiệp đều quan tâm, lo lắng cho anh, thậm chí còn dám bỏ chột, bỏ tính mạng để kiếm thuốc và gạo mang về cho anh “Mỗi lần về báo cáo tình hình thế nào Tám Hiệp cũng ráng kiếm cho được con cá, vại con chuột nhờ mấy cô gái trong phân đội nấu cháo bồi dưỡng cho Sáu Tông... Tám Hiệp chịu không nổi khi anh trai bợt bạt, lã đi như cọng lục bình non bị nắng. Anh lén đột vào áp chiến lược móc cơ sở kiếm được ít thuốc Kí-nin và một ruột tượng gạo” [40].

Là lúc Tám Hiệp và Sáu Tông mất tối sâu lại khi hay tin Tư Tình hy sinh, những cử chỉ nhỏ quan tâm, lo lắng cho anh, nhưng lại là biết bao tình cảm chất chứa trong con người Tám Hiệp - một người hiền lành, ít nói “Sáu Tông chết sững, mắt hoa lên. Vai Sáu Tông run run, mặt úp chặt vào hai lòng bàn tay khóc không thành tiếng. Anh ngồi bệt xuống gò đất. Tám Hiệp ngồi xuống ôm lấy vai anh trai. Tám Hiệp không khóc mà bộ dạng còn khổ hơn khóc” [41].

Tình mẫu tử là tình cảm thiêng liêng nhất, người mẹ luôn là người dành cho con tình yêu thương vô bờ bến, sự lo lắng cho con trong những ngày bom đạn như bà Út Thành, Út Thương. Là hình ảnh người mẹ mỗi mòn, gầy sọp đi trong trận “thập tử nhất sinh” của Hai Lý “Bà Út Thành má hóp sâu, mắt trũng quầng, không còn thời gian để nhai trầu nữa. Mỗi đêm tỉnh giấc bà choàng ngay dậy để nhìn xem Hai Lý còn không. Mỗi một ngày qua đi cảm giác mắt dần con xâm chiếm cõi lòng bà” [42]; là đêm Tư Tình bị giặc bắn chết “Đêm đó, bà Út Thương thao thức mãi không ngủ được... bà cứ chấp chờn ngồi đợi. Con Tư Tình nó đi giữa đêm hôm mưa gió như vậy, lòng bà xót

như xát muối” [43], là cảnh người mẹ đau đớn, bất chấp cái chết rình rập để tìm con “Út Thương nước mắt hai hàng, đưa tay sờ lên ngực con. Cái lỗ đạn tròn bằng trái mù u. Mắt Tư Tình vẫn mở lớn nhìn vào màn trời đêm. Bà Út run bần bật, đưa tay vuốt mắt con: Má tới rồi nè! Lạnh quá hả con? Nhắm mắt ngủ đi! Má đưa con về” [44].

Ngày hòa bình những người mẹ ấy vẫn chăm chút, lo lắng, bảo bọc các con, mỗi người mỗi kiểu, bà Út Thành thì gom góp tiền cho vợ chồng thằng Ba Nghĩa mua lại tay lưới, bà Út Thương thì hết nuôi con lại sang nuôi cháu, một tay bà tảo tần lo hết đúng như câu thơ “*Con dù lớn vẫn là con của mẹ/ Đi hết đời lòng mẹ vẫn theo con*” (Con cò - Chế Lan Viên).

Không chỉ có ba mẹ thương con, anh chị em thương nhau, mà những đứa con cũng thương yêu hiếu thảo với ba mẹ như Năm Lĩnh vì cứu chồng, cứu cha mà phải lấy Bảy Đoai - một tên lính ngụy tàn ác, để rồi cả đời cô là những tổn thương cả về tinh thần và thể xác, khiến cô như điên như dại.

Như vậy, một lần nữa Nguyễn Thị Diệp Mai đã thể hiện sự trân trọng gắn kết giữa những con người trong gia đình. Dù hoàn cảnh nào con người vẫn luôn trân trọng và giữ gìn những điều thiêng liêng đó. Qua cách sống và suy nghĩ của mỗi nhân vật bộc lộ sự chân thành, thẳng thắn nhưng không kém phần đằm thắm của người dân Nam Bộ, đồng thời cho chúng ta thấy, con người không thể tách rời mối quan hệ gắn bó với gia đình vì nơi ấy đọng đầy sự ấm áp, yêu thương, tình yêu, hạnh phúc và bình yên. Dù trong bất cứ hoàn cảnh nào, con người vẫn mãi không bao giờ chối bỏ được tình mẫu tử, phụ tử thiêng liêng, anh chị em keo sơn gắn bó, nhà văn đã khai thác và phản ánh con người trong gia đình dưới nhiều góc nhìn, nhiều mối quan hệ, nhưng ở họ vẫn

hiện lên những giá trị cốt lõi nhân văn của con người, qua mỗi câu chuyện, mỗi nhân vật người đọc rút ra cho mình những bài học nhân sinh sâu sắc.

Kết luận

Vấn đề con người trong văn học không phải là một đề tài mới, nhưng nó luôn là mục tiêu hướng tới của mọi sự phản ánh, bởi con người là đối tượng phản ánh chính của văn học. Đi sâu vào tìm hiểu đời sống con người là một trong những sứ mệnh quan trọng của nhà văn, nhằm khám phá nhiều mối quan hệ, nhiều góc khuất, nhiều mặt giữa con người với con người. Quan niệm nghệ thuật về con người là một vấn đề quan trọng trong văn học nói chung và quá trình sáng tạo của nhà văn nói riêng, là cây bút trẻ Nguyễn Thị Diệp Mai đã dần khẳng định tên tuổi của mình trên văn đàn văn học Việt Nam, đặc biệt là văn học Đồng bằng sông Cửu Long. Qua tiểu thuyết *Hoa Trân của dòng họ*, tác giả không chỉ khắc họa cuộc sống của con người trong những năm tháng chiến tranh, mà còn khai thác đời sống cá nhân của họ sau khi chiến tranh qua đi từ đó, bộc lộ quan niệm nghệ thuật về con người của Nguyễn Thị Diệp Mai. Ý thức về trách nhiệm của người cầm bút, nhà văn đã viết lên bao cuộc đời, số phận của những con người ở các giai đoạn khác nhau, độ tuổi khác nhau cùng với nỗi đau, thử thách mà họ phải trải qua. Như vậy, nhân vật với những phẩm chất tốt có, xấu có, những khó khăn với cuộc sống mưu sinh, những mưu mô tính toán, sự tha hóa của con người vì ganh ghét, đố kỵ hãm hại lẫn nhau, những bông bột, nóng vội, những ham muốn dục vọng, những nghi ngờ, ... tất cả đều được nhà văn khai thác, nhìn nhận để làm rõ con người cũng có những khuyết điểm, bất toàn, chứ họ không “quá tốt”, “quá lý tưởng”. Qua đó thấy được mối tương quan giữa con

người với bối cảnh xã hội, quan niệm nghệ thuật về con người của nhà văn Nguyễn Thị Diệp Mai đã có sự thay đổi so với giai đoạn trước chiến tranh.

Chú thích

- [1] [2] Nguyễn Thị Diệp Mai (2008). *Hoa Trân của dòng họ*. Hà Nội, Nxb Công an nhân dân, 16.
 [3] [4] [5] [6] [7] Sdd, 17. [27] Sdd, 149.
 [8] Sdd, 6. [28] Sdd, 138.
 [9] [10] [11] Sdd, 66. [29] [30] [31] Sdd, 220.
 [12] Sdd, 82. [32] Sdd, 200-201.
 [13] Sdd, 83. [33] Sdd, 260.
 [14] Sdd, 66. [34] Sdd, 262.
 [15] [16] Sdd, 79. [35] [36] Sdd, 26.
 [17] Sdd, 6. [37] Sdd, 206-207.
 [18] Sdd, 111. [38] Sdd, 371.
 [19] Sdd, 101. [39] Sdd, 370.
 [20] Sdd, 102. [40] Sdd, 81.
 [21] Sdd, 105. [41] Sdd, 87-88.

- [22] Sdd, 106. [42] Sdd, 72.
 [23] [24] Sdd, 107. [43] Sdd, 84.
 [25] Sdd, 346-347. [44] Sdd, 86.
 [26] Sdd, 72.

Tài liệu tham khảo

- Hoàng Trọng Quyền (2015). *Giáo trình thi pháp học*. Hồ Chí Minh, Nxb Đại học Quốc Gia Thành phố Hồ Chí Minh.
 Lê Bá Hán, Trần Đình Sử và Nguyễn Khắc Phi (1992). *Từ điển thuật ngữ văn học*. Hà Nội, Nxb Giáo dục.
 Phạm Ngọc Hiền (2016). *Thi pháp học*. Hà Nội, Nxb Văn học và Công ty Văn hóa Đông Tây.
 Trần Đình Sử (2017). *Dẫn luận thi pháp học văn học*. Hà Nội, Nxb Đại học Sư phạm.